

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **61/2024/DS-PT**

Ngày 26- 9- 2024

(V/v Tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Ngọc Thúc.

Các Thẩm phán: Ông Hà Văn Chương, ông Nguyễn Đức Nam

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang:* Bà Phan Thị Hồng Hải
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, xét
xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2024/TLST-DS, ngày 04 tháng
01 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 98/2023/DS- ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của
Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST-DS, ngày 01
tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 51/2024/QĐPT-
DS ngày 26 tháng 3 năm 2024; Quyết định tạm ngưng phiên tòa dân sự phúc thẩm
số 11/2024/QĐPT- DS ngày 22 tháng 4 năm 2024; Quyết định tạm đình chỉ xét xử
phúc thẩm vụ án dân sự số 03/2024/QĐPT ngày 20 tháng 5 năm 2024; Quyết định
tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số 06/2024/QĐPT- DS ngày 20 tháng 9 năm 2024;
Thông báo thời gian mở phiên tòa phúc thẩm số 08/TBPT- DS ngày 20 tháng 9 năm
2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Tống Thị T, sinh năm 1949; Nơi đăng ký HKTT: TDP 3,
phường Nông T, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q; Tạm trú: TDP 02, phường An
T, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q. Có mặt.

- *Người Đại diện theo uỷ quyền của bà T là ông* Trần Trung H, sinh năm
1976; Địa chỉ: TDP 02, phường An T, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q. (theo giấy
uỷ quyền số công chứng 1303 ngày 20/3/2024). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Bùi Thị L, sinh năm 1966; Địa chỉ: TDP 06, phường Hưng Th,
thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q. Có mặt.

3. *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Lê Văn H1, sinh năm 1965 và bà Mai Thị Ph, sinh năm 1967: Cùng địa
chỉ: TDP 07, phường Hưng Th, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q (đều có mặt).

- Ông N Thế H2, sinh năm 1962; Địa chỉ: Khu 04, xã Phú H, thị xã Phú T, tỉnh Phú T. Vắng mặt.

- Anh Trần Anh T1, sinh năm 1978 và chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1980; Cùng địa chỉ: TDP 07, phường Hưng Th, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q (anh T1 có mặt, chị H3 vắng mặt).

4. *Người kháng cáo*: Bà Tống Thị T, sinh năm 1949; Nơi đăng ký HKTT: TDP 3, phường Nông T, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q; Tạm trú: TDP 02, phường An T, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện; trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Tống Thị T trình bày:

Ngày 21/12/2009, bà T có hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà Bùi Thị L 550m² đất ở TDP 07 (tổ 13 cũ), phường Hưng Th, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q với giá 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*). Khi hai bên lập hợp đồng chuyển nhượng đất do quen biết, tin tưởng nhau nên bà T và bà L chỉ thỏa thuận miệng mà không lập hợp đồng chuyển nhượng đất theo quy định, nhưng cùng ngày 21/12/2009 hai bên có lập Biên bản giao nhận tiền về việc mua bán quyền sử dụng đất. Sau đó thông qua Biên bản giao nhận tiền về việc mua bán đất ghi hồi 07 giờ 15 phút, ngày 21 tháng 12 năm 2009 giữa người bán đất là bà Bùi Thị L; người mua đất là Tống Thị Kim T (Tống Thị T); người làm chứng là bà Vũ Thị H4 ở tổ 13 cũ, phường Hưng Th, thành phố Tuyên Q và bà Nguyễn Thị C ở tổ 12 cũ, phường Nông T, thành phố Tuyên Q, để sau đó chính thức chuyển nhượng đất thì bà L đi làm thủ tục chuyển nhượng đất cho bà T. Đến năm 2011 bà T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 853873; số vào sổ cấp Giấy CNQSD đất CH000490, ngày 10/11/2011 của UBND thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q, cấp mang tên bà T với diện tích là 166,8m² (trong đó 140m² đất ở đô thị và 26,8m² đất trồng cây lâu năm), thửa số 250, tờ bản đồ số 37, địa chỉ thửa đất ở TDP 07 (tổ 13 cũ), phường Hưng Th, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q; còn lại 383,2m² đất bà L chưa giao cho bà T theo hợp đồng. Về nguồn gốc đất bà L chuyển nhượng cho bà T thì bà T không rõ cụ thể mà chỉ biết khi hợp đồng miệng bà L nói sẽ chuyển nhượng cho bà T 550m² đất ở TDP 07 (tổ 13 cũ), phường Hưng Th, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q, với giá 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) và nói sẽ làm thủ tục sang tên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sổ bìa đỏ) cho bà T. Còn nguồn gốc đất bà L nhận chuyển nhượng của ông N Thế H2 ở khu 04, xã Phú H, thị xã Phú T, tỉnh Phú T, hay nhận chuyển nhượng đất của ông Lê Văn H1 và bà Mai Thị Ph ở TDP 07 (tổ 13 cũ), phường Hưng Th, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q, như thế nào bà T không biết, bà T không liên quan.

Bà Tống Thị T khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị L trả lại số tiền do không thực hiện đầy đủ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 300.000.000 đồng gốc và tiền lãi tính từ ngày 26/11/2011 đến ngày 26/8/2020 là 315.000.000 đồng, tổng

cộng là 615.000.000 đồng (*Sáu trăm mười lăm triệu đồng*), nếu bà L không trả tiền thì thực hiện giao nốt phần đất còn lại cho bà T. Ngoài ra bà Tống Thị T không yêu cầu giải quyết nội dung gì khác.

Bị đơn bà Bùi Thị L trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Bà L công nhận ngày 21/12/2009 bà L có hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Tống Thị T 550m² đất ở TDP 07 (tổ 13 cũ), phường Hưng Th, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q với giá 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*). Do quen biết tin tưởng nhau, nên bà L và bà T chỉ thoả thuận miệng hợp đồng chuyển nhượng đất, sau đó thông qua Biên bản giao nhận tiền về việc mua bán đất ghi hồi 07 giờ 15 phút, ngày 21 tháng 12 năm 2009, giữa người bán đất bà Bùi Thị L; người mua đất là bà Tống Thị Kim T (Tống Thị T); người làm chứng là bà Vũ Thị H4 ở tổ 13 cũ, phường Hưng Th, thành phố Tuyên Quang và bà Nguyễn Thị C ở tổ 12 cũ, phường Nông T, thành phố Tuyên Q. Khi thoả thuận chuyển nhượng đất bà L nhận chịu trách nhiệm làm các thủ tục giấy tờ pháp lý sang tên quyền sử dụng đất cho bà T tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nhưng đất bà L thoả thuận chuyển nhượng cho bà T do thực địa còn có phần chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), nên mãi đến năm 2011 bà L mới làm được thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 853873; số vào sổ cấp GCNQSD đất CH000490, ngày 10/11/2011 cấp mang tên bà Tống Thị T với diện tích là 166,8m² (trong đó 140m² đất ở đô thị và 26,8m² đất trồng cây lâu năm), thửa số 250, tờ bản đồ số 37, địa chỉ thửa đất ở TDP 07 (tổ 13 cũ), phường Hưng Th, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q, còn lại 383,2m² đất do còn có tranh chấp giữa bà L với ông Lê Văn H1 và bà Mai Thị Ph ở TDP 07 (tổ 13 cũ), phường Hưng Th, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q, nên bà L chưa giao đủ đất cho bà T theo thoả thuận là đúng sự thật.

Về nguồn gốc đất bà L chuyển nhượng cho bà T là của bà L nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn H1 và bà Mai Thị Ph ở TDP 07 (tổ 13 cũ), phường Hưng Th, thành phố Tuyên Quang, từ trước đó nhiều năm, sau đó bà L không có nhu cầu sử dụng nên khi bà T hỏi mua thì bà L bán 550m² đất ở TDP 07 (tổ 13 cũ), phường Hưng Th, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q với giá 500.000.000 đồng và bà L nhận sẽ làm thủ tục sang tên cấp Sổ bìa đỏ cho bà T. Bà L công nhận chưa giao đủ đất cho bà T mà còn thiếu 383,2m² đất theo hợp đồng là đúng thực tế. Hiện nay bà L đang khởi kiện tranh chấp đất đai với ông Lê Văn H1 và bà Mai Thị Ph tại Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang, khi nào giải quyết xong tranh chấp đất với ông H1 và bà Ph thì bà L sẽ có trách nhiệm trả bà T đủ đất còn thiếu hoặc trả đủ tiền cho bà T, nếu bà T không nhất trí thì đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H1 và bà Mai Thị Ph trình bày: Năm 2007, vợ chồng ông H1 bà Ph có chuyển nhượng cho ông N Thế H2, địa chỉ: Xã Phú H, thị xã Phú T, tỉnh Phú T. Diện tích đất 250m² tại TDP 07 (tổ 13 cũ), phường Hưng Th, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q. Năm 2011, ông H2 có đề nghị vợ chồng ông H1, bà Ph chuyển nhượng diện tích đất mà ông H2 đã nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông H1, bà Ph sang cho bà Bùi Thị L, nên vợ chồng

ông H1, bà Ph đã tách xong quyền sử dụng đất sang tên bà Bùi Thị L theo yêu cầu của ông H2. Còn việc mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Bùi Thị L và bà Tống Thị T như thế nào ông H1, bà Ph không biết, không có liên quan gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N Thế H2 trình bày: Năm 2007, ông H bán cho ông N hơn 1.000m² đất, trong đó có hơn 200m² đất ở một mặt giáp bờ ao, một mặt giáp nhà ông Đ, một mặt giáp đường tránh Quốc lộ 2. Sau đó ông N phát hiện thửa đất trên đã bán cho bà L (giấy tờ mua bán năm 1998), nên ông N không mua nữa. Việc ông H1, bà Ph chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà L như thế nào thì ông N không biết và không liên quan.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Anh T1 và chị Nguyễn Thị H3 trình bày: Anh Trần Anh T1 là con trai và Nguyễn Thị H3 là con dâu bà Tống Thị T. Năm 2012, bà T có cho anh Trần Anh T1 một diện tích đất sau đó đến ngày 18/9/2012 đất đã được UBND thành phố Tuyên Quang, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 661506; vào sổ cấp Giấy CNQSD đất: CH 000759/HT, đứng tên chủ sử dụng đất là Trần Anh T1 với diện tích 90,1m² đất, trong đó đất ở đô thị là 70,0m², đất trồng cây lâu năm là 20,1m², thửa số 260, tờ bản đồ số 37 - Địa chỉ TDP 07 (tổ 13 cũ), phường Hưng Th, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q. Sau khi được cấp Sổ đỏ anh Trần Anh T1 đã xây dựng nhà trên đất. Việc bà Bùi Thị L chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Tống Thị T còn thiếu anh T1 nhất trí với ý kiến của bà T, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà L phải trả lại đất hoặc trả bằng tiền theo trị giá quyền sử dụng đất tại vị trí đất ở thị trường tại thời điểm hiện nay.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q, đã tiến hành hoà giải cho các bên đương sự, nhưng không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 98/2023/DS- ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 26; 39; 147; 157; 158; 165; 166; 235; 264; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 122; 124; 127; 134; 135; 137; 410; 689; 694 của Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tống Thị T như sau:

- Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Tống Thị T và bà Bùi Thị L lập ngày 21 tháng 12 năm 2009, vô hiệu phần đối với diện tích 383,2m² đất (trong đó 10m² đất ở và 373,2m² đất trồng cây lâu năm), địa chỉ đất ở tổ 13 (TDP 07 mới), phường Hưng Th, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q.

- Buộc bà Bùi Thị L phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Tống Thị T tổng số tiền là 56.539.470 đồng (*Năm mươi sáu triệu năm trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm bảy mươi đồng*).

2. Buộc bà Bùi Thị L phải hoàn trả lại cho bà Tống Thị T 2.666.000 đồng (Hai triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) tiền chi phí việc xem xét, thẩm định tại chỗ và tiền chi phí định giá tài sản.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Tống Thị T về việc yêu cầu bà Bùi Thị L phải trả lãi đối với số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) từ ngày 26/11/2011 đến ngày 26/8/2020 là 315.000.000 đồng (Ba trăm mười lăm triệu đồng); tổng cộng là 615.000.000 đồng (Sáu trăm mười lăm triệu đồng).

4. Án phí: Bà Bùi Thị L phải chịu 2.826.973 đồng (Hai triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm bảy ba đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ngoài ra, bản án còn quyết định quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/9/2023 Toà án nhận được đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Tống Thị T, nội dung không nhất trí với bản án sơ thẩm. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét, xét xử lại toàn bộ vụ án.

Tại phiên toà phúc thẩm: Nguyên đơn bà Tống Thị T giữ nguyên nội dung kháng cáo và cho rằng: Việc đánh giá tài liệu, chứng cứ của Hội đồng xét xử sơ thẩm chưa toàn diện đối với toàn bộ diễn biến giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên toà phúc thẩm:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên toà phúc thẩm, bà Tống Thị T và bà Bùi Thị L thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, theo đó bà Bùi Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Tống Thị T số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng), việc thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức pháp luật. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 98/2023/DS-ST ngày 12/9/2023 của Toà án nhân dân thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q, công nhận sự thoả thuận của các đương sự tại phiên toà.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên về phần án phí của đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục kháng cáo của nguyên đơn bà Tống Thị T: Ngày 25/9/2023, Toà án nhận được đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Tống Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 98/2023/DS-ST ngày 12/9/2023 của Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang. Đơn kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật, nên đơn kháng cáo được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn không nhất trí với bản án sơ thẩm. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét, xét xử lại toàn bộ vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 21 tháng 12 năm 2009 giữa bà Tống Thị T và bà Bùi Thị L đã thoả thuận miệng với nhau với nội dung bà Bùi Thị L chuyển nhượng 550m² đất ở tại tổ 7 phường Hưng Th, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q cho bà Tống Thị T. Nhưng do quen biết, tin tưởng nhau nên hai bên không lập hợp đồng chuyển nhượng theo quy định mà chỉ thoả thuận miệng với nhau; cùng ngày 21 tháng 12 năm 2009 giữa bà T và bà L có lập biên bản giao nhận tiền về việc mua bán đất. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T và bà L đã vi phạm quy định về hình thức và nội dung của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định, căn cứ vào Bộ luật dân sự 2005 và Luật Đất đai 2003 thì Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 21 tháng 12 năm 2009 giữa bà Tống Thị T và bà Bùi Thị L vô hiệu. Tuy nhiên năm 2011 hai bên tự nguyện thực hiện một phần hợp đồng chuyển nhượng lập ngày 21/12/2009 và trong quá trình giải quyết các bên đương sự đều thừa nhận đã thực hiện một phần Hợp đồng. Do đó hợp đồng lập ngày 21/12/2009 vô hiệu một phần đối với diện tích đất 383,2 m² (phần chưa thực hiện theo hợp đồng) là có căn cứ.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, bà Tống Thị T và bà Bùi Thị L đã thống nhất thoả thuận được với nhau về hoàn trả số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Bà Bùi Thị L nhất trí trả cho bà Tống Thị T số tiền 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*). Hội đồng xét xử xét thấy sự thoả thuận giữa nguyên đơn bà Tống Thị T và bị đơn bà Bùi Thị L là hoàn toàn tự nguyện không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Tống Thị T, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 98/2023/DS-ST ngày 12/9/2023 của Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang về nội dung hoàn trả số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự. Bà Bùi Thị L có trách nhiệm trả cho bà Tống Thị T số tiền 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*).

[3]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà Tống Thị T và bà Bùi Thị L thoả thuận được với nhau về hoàn trả số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nên phần án phí dân sự sơ thẩm sẽ phải sửa lại cho phù hợp.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Tống Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 300; khoản 2 Điều 308; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Tống Thị T, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 98/2023/DS-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q như sau:

1. Công nhận sự thoả thuận giữa nguyên đơn bà Tống Thị T và bị đơn bà Bùi Thị L. Bà Bùi Thị L có trách nhiệm trả cho bà Tống Thị T số tiền 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*).

“Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị L phải chịu 17.500.000 đồng (*Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Tống Thị T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (26/9/2024).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tp. Tuyên Quang;
- Chi cục THADS tp. Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu: Văn phòng TA tỉnh + Hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Ngọc Thúc

